

PHẦN HAI

TU CHỨNG PHÁP

A. BA PHÉP TU

I. NHỮNG CHUẨN BỊ CUỐI CÙNG

1. Gia cố nền Lý Địa

“Các người, cũng như Anan, đều đồng lòng hạ quyết tâm tu phép samatha, tốt thôi. Trước hết các người phải triệt để thấu suốt hai ý nghĩa quyết định khi bắt đầu triển khai sự nghiệp tu tập.

Một là : Các người thử nghĩ xem: cái tâm của người khi quyết định dẫn bước tu hành và cái tâm khi sau này chứng quả Bồ Đề, giống nhau hay khác nhau?

Nếu trong lúc tu cái nhân để sau này phát ra cái quả Bồ Đề, các người vẫn cứ “hiện sinh” bằng cái tâm thấy biết, cái tâm phan duyên, cái tâm sinh diệt thì đừng hy vọng vào một kết thúc tốt đẹp, thành công nào hết. Tại sao vậy? Các người hãy nhìn lại cái tâm thấy biết của mình thực tế hoạt động như thế nào.

Cái tâm thấy biết ấy hình thành dựa vào năm căn. Năm căn này, mắt, mũi, tai, lưỡi, thân đều là những bộ phận của thân người, và do đó đều cấu tạo bởi bốn đại, đất, nước, gió, lửa qua những tổ hợp rất phức tạp và tinh vi. Năm căn đó Ta gọi là năm lớp khả huỷ và ô trược.

Khả huỷ bởi vì, giống như mọi hữu thể, mọi pháp trong thế giới hiện tượng cấu tạo bằng tứ đại, năm căn ấy không thể bất hoại với thời gian, mà nằm trong chu trình sinh diệt, phân rã và quy hợp.

Ô trược bởi vì giống như nước bản nhiên là trong sạch, nếu đem ném vào đó những thứ có bản chất cố thể, ngăn ngại như đất, cát, tro, bụi thì hai thể lỏng và rắn hỗn hợp với nhau để cho các người thấy một thứ nước đục bẩn. Năm căn cũng tác động như vậy vào cái Tâm Tính Diệu Minh. Tâm Tính ấy vốn phi cấu trúc, vốn thanh tịnh, cùng khắp như Hư Không là cái không bao giờ bị tan rã, huỷ diệt, năm căn khác nhau chẳng những do cơ cấu mỗi cái, mà còn do cơ chế, từ đó có tính năng, chức năng, hiệu năng hoàn toàn sai biệt nhau, và gây nhiễu, gây ô trược cho Tâm Tính Diệu Minh.

Để các người có được một liên hệ sát sao, sâu sắc với hiện thực hữu sinh, cụ thể với hiện thực nhân sinh, Ta sẽ trình bày năm lớp ô trước ấy trong hệ thống NGŨ TRƯỚC:

Kiếp trước.

Kiếp sống của thể hữu sinh được đặc trưng bởi Giác và Minh. Sự định hình ngày một rõ nét của năm căn cũng có nghĩa là vị thế áp đảo của Minh so với Giác ngày một khẳng định; hoặc sự phân chia năng - sở giữa thể hữu sinh với thế giới quanh nó ngày một rõ nét. Buổi đầu, nơi hài nhi, phân biệt năng - sở vốn đã có rồi, vì đó là chủng tử truyền từ vô thủy, nhưng chưa được ý thức hoá, cái mầm mống gây nhiều nguyên sơ này của kiếp sống Ta gọi là Kiếp Trước.

Kiến Trước.

Bốn đại, tự thân không có tính năng “thấy” hay Kiến, nhưng khi chúng tổ hợp làm thành năm căn của thể hữu sinh thì chúng dễ được “hoạt hoá” (vivifier) bởi Tính Giác. Tính Giác ấy tiềm ẩn nơi năm tổ hợp của tứ đại có cơ cấu khác nhau như chủng tử mang từ tiền kiếp đã sinh ra Minh là cái rất phù hợp với tổ hợp tứ đại. Năm căn của hài nhi được phát triển nhờ vào sự cung cấp chất liệu tứ đại từ ngoài trời, chúng tự hoàn chỉnh tính năng bẩm sinh là phân biệt năng - sở. Tuy nhiên, vì ý thức chưa định hình rõ nét, kho trí nhớ còn nghèo nàn, vốn sở tri hầu như chưa có, nên Năng - Sở tuy đã hiện hành nhưng chưa mang hình thái xung khắc, đấu tranh, Ta gọi giai đoạn này của trẻ nhỏ là Kiến Trước.

Phiên Não Trước.

Phân biệt năng - sở đạt mức cao trên cơ sở những thông tin được tích lũy từ kinh nghiệm bản thân, từ môi trường “nghe nhìn” như gia đình, nhà trường, giao tiếp xã hội, v. v. . . Ý Thức không chỉ tích lũy Ý mà còn dùng Ý ấy làm chuẩn mực để xác định Tướng, tức là hình thái giác quan của tồn tại, như hiện thực thật nhất nếu không là duy nhất; và xác định Tính, tức là hình thái quan hệ của tồn tại, như cơ sở cho hiện thực nhân quả.

Từ nay, cá thể hữu sinh sẽ tri kiến sự vật không còn đơn thuần qua những dụng cụ thô lậu của buổi đầu là năm giác quan mà qua những mô thức về Tướng và Tính. Hiện tượng này bao trùm lên mọi biểu hiện của thể hữu sinh, dù giữa thể này có sự chênh lệch thế nào về trình độ ý thức, trình độ tích chứa Tướng và xác định Tính. Nó chính là cơ chế Tập Đế của giới hữu sinh bao giờ cũng xoay quanh hai trục Ngã chấp và Pháp chấp, vì vậy nó là nguồn gốc của Khổ Đế, và Ta gọi nó là Phiên Não Trước.

Chúng Sinh Trược.

Bản thân tứ đại, sự tổ hợp của chúng để hình thành mỗi thể hữu sinh, tâm thấy biết hoạt động như phương diện tác dụng của tổ hợp ấy, tất cả đều thuộc về hiện thực hữu vi, đều có sinh, có diệt nối nhau miên viễn, diệt ở nơi này, sinh ở nơi kia, theo đúng luật nhân quả của thế giới hữu vi, và phân bố trên sáu cung Lục Đạo của đường tròn Nghiệp báo. Sở dĩ chúng sinh phải trôi nổi trên dòng luân hồi, bởi vì tâm thấy biết của họ tự tạo ra hai chấp hay hai thủ năng - sở qua cái thấy biết điên đảo: điên đảo ở chỗ thấy biết cái sai biệt, thay vì cái nhất như nơi vạn pháp và thấy biết cái ảo giác thay vì cái Vô Ngã chân thực nơi tự thân. Sự mê lầm, vô minh này của chúng sinh, Ta gọi là Chúng Sinh Trược.

Mệnh Trược.

Thân phận muôn đời của mỗi cá thể hữu sinh là thác nơi này để sinh nơi khác. Mỗi lần sinh là mỗi lần mang một thân chính báo bị điều kiện hoá về mặt cơ cấu và cơ chế vận động bởi đặc thù của cõi y báo. Nói riêng con người sinh ra trên Trái Đất này, thân họ bị điều kiện hoá bởi, cứ tạm nói theo thế học, bởi những yếu tố như địa lý, khí hậu, tính năng hoá, lý, môi trường sinh thái, v. v. . . nên mỗi trong năm căn của họ có phạm vi hoạt động riêng biệt, độc lập, hạn chế . . . Việc họ không thể nào đồng tính hoá năm căn, không thể nào vô phân biệt hóa chức năng của năm căn được họ quan niệm như Tự Nhiên, đôi khi được họ gọi tên là định mệnh, còn Ta gọi hiện thực này của con người là Mệnh Trược.

Dù trược nào thì cũng đều trược vào hoạt động của Tâm Thấy Biết xoay quanh trục năng - sở phân biệt, cội gốc của sinh tử. Các người đã hiểu nghĩa chủ - khách qua tính lặng và động, các người cũng đã hơn một lần nghe Ta chỉ dạy Tính Thấy là không sinh diệt, là hữu thường, là không nguồn gốc phát sinh, là ra ngoài nghĩa tự nhiên và nhân duyên, là rời khỏi hai nghĩa Thị và Phi Thị. Vì vậy ngay bước đầu tu hành, các người phải tập đặt tâm mình trong trạng thái tĩnh lặng, thay vì để nó lăng xăng chạy theo cái thứ tiền trần sinh diệt, hư vọng. Việc làm này giống như muốn gạn nước đục trong bình để lấy nước trong thì phải giữ cho bình đứng yên, bất động, nhờ đó bụi bẩn sẽ lắng dần xuống đáy, còn lại nước trong ở bên trên. Không cho khách trần phiền não tung bừa chiếm lĩnh tâm thức mình, ức chế chúng, vô hiệu hoá chúng tiến đến tiêu diệt chúng, cái đó tương đương với đặt bình ở yên để gạn bùn. Bùn đã gạn thì nước trong tự hiển lộ, điều này tương đương với dứt hẳn căn bản vô minh cái thấy biết của các người đã gần đạt được bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai và tiếp cận với tính Bản Giác không sinh diệt,

sáng suốt, thuần nhất, yên lặng, cùng khắp, hợp với tính Thanh Tịnh không phiền não của Niết Bàn.

Đó là những nét đặc thù của Tâm tu nhân.

Hai là : Để đoạn trừ tâm sinh diệt như cội gốc của phiền não, cũng là rời bỏ cái tướng hữu vi mà tâm ấy trụ vào như biểu hiện của vô minh. Cũng là biết rõ những căn trần hư vọng ấy điên đảo ở chỗ nào, các người phải lần về sáu căn nhĩ, nhĩ, thiệt, tỵ, thân và ý, và phát hiện ra chính chúng trói buộc thế giới chúng sinh vào vòng sinh diệt, diệt sinh, luân hồi, miên viễn, chính chúng đã cướp đi của các người kho báu vô giá là Trí Tuệ Bồ Đề, như một cách gọi khác của cảnh giới siêu thoát.

Thế giới chúng sinh gồm ba thành phần: thế là thời gian phân ba làm quá khứ, hiện tại, vị lai; giới là không gian chỉ định bởi mười phương, nhưng thế nhân có thói quen chỉ tính bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc; chúng sinh tự thể hiện trên hoạt động của căn thân, nói gọn là thân. Ba thành phần này xoắn xuýt, quấn quện vào nhau mà, nói riêng về loài người, tạo thành cái gọi là kiếp nhân sinh. Kiếp ấy diễn ra trên sự thi triển công năng của mỗi trong sáu căn. Công năng ấy sai khác nhau theo với sự sai khác của ba đối và bốn phương. Tổ hợp ba đối, bốn phương và những yếu tố chi tiết hoá những tình huống tương tác xúc, tác ý, thụ, duyên, tâm sở v. v. . . sinh ra 1200 công năng cho mỗi căn như nhĩ, thiệt (chủ về ngôn thuyết, lý luận), ý; và 800 công năng cho mỗi căn nhĩ, tỵ, thân. Sự chênh lệch số công năng này có nguồn gốc ở sự chênh lệch số những tình huống để tương tác giữa căn và trần khả thi, tỷ như nhĩ căn có phạm vi hoạt động rất rộng, siêu việt cả cảnh giới thời không, cả bản chất vật lý hay phi vật lý của đối tác, của thanh trần; trái lại thân căn nếu thiếu xúc thì hai yếu tố cơ bản kia là tác ý và thụ sẽ bị vô hiệu hoá, ba phần thiếu một nên công năng của nó chỉ còn là 800.

Nếu muốn ngược dòng sinh tử để tìm ra chỗ phát nguyên tội cùng thì phải xét trong sáu căn ấy, có cái gì tương hợp, cái gì ly cách, cái gì là nền móng, cái gì là bề nổi, cái gì là thông suốt, viên dung, cái gì là không thông suốt, viên dung. Nếu giác ngộ được tính viên thông, và chứng nghiệm được tính viên thông thì dù chọn căn nào, căn nào thì, tính và dụng của nó theo kinh nghiệm và thế học đều không viên thông với căn nào, việc tu hành để chứng nghiệm tính viên thông của căn ấy vẫn đều bảo đảm hiệu quả nhanh chóng như căn nào. Chọn căn nào để làm đường nhập đạo là thiên hướng, là cơ địa, là nghiệp báo cá nhân, không đặt thành vấn đề mắc mớ gì hết. Xem như Thập Phương Như Lai, nơi 18 giới, mỗi giới đều tu hành mà được quả Bồ Đề viên

mãn, vô thượng, trong 18 giới này, không giới nào là hơn, không giới nào là kém.

Tuy nhiên đi vào 18 giới để liễu ngộ tính viên thông đòi hỏi căn cơ trí tuệ cao siêu, nên Ta khuyên các người chỉ cần đi sâu vào một căn nào đó tùy ý riêng của mình. “Đi sâu” nghĩa là xem xét, là “kiến” những hoạt động của nó không qua cặp kính vọng tưởng, tức là với tâm thức trống trơn, không chấp chứa một niệm nào hết. Cứ làm như thế thì hiệu quả thanh tịnh hoá cả sáu căn sẽ sớm hiển lộ, có khi một ngày tu theo phương hướng đó bằng cả một kiếp.”

–“Bạch Thế Tôn, tại sao chỉ cần đi sâu vào một căn, lợi ngược dòng chảy hư vọng của nó để tìm về bản nguyên của nó là đủ để cả sáu căn trở thành thanh tịnh, nói cách khác, để chứng nghiệm tính viên thông của cả sáu căn, hay tính bình đẳng, đồng nhất của sáu căn về mọi mặt tính và dụng?”

–“Anan, người tuy đã được quả Tu Đà Hoàn, nhập vô dòng nước mà các giống khuẩn sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp có tính năng gây nên các bệnh phiền não đã bị triệt sinh, nhưng trong căn thân nhà người còn chứa nhóm những tập khí từ vô thủy mà người chưa từng phát hiện ra. Những tập khí ấy chỉ do tu đạo mới đoạn diệt được. TD như chức năng, tính năng của sáu căn.

–“Anan, người thử xét xem sáu căn ấy là thống nhất hay riêng rẽ. Nếu cho là thống nhất thì tại sao mắt không nghe được, tai không thấy được; còn nếu cho là riêng rẽ thì như giờ đây, Ta đang chỉ dạy pháp môn nhiệm mầu người lấy căn nào trong sáu căn ấy để lĩnh hội?”

–“Con dùng lỗ tai nghe lời Phật dạy mà thụ nhận”

–“Nếu nghe chỉ là chức năng của riêng tai thôi, thì việc nghe ấy liên quan gì đến miệng mà miệng lại lên tiếng hỏi, liên quan gì đến thân mà thân lúc ngồi lắng nghe, lúc đứng dậy vâng, dạ. Vì hai hiện tượng trên nên phải thừa nhận rằng sáu căn chẳng thống nhất làm một, cũng chẳng riêng rẽ thành sáu. Cho sáu căn là một hay là sáu đều do tập khí từ vô thủy, chứ bản chất của hiện tượng giống như hư không: khi nhìn vào đồ vuông, đồ tròn thì bảo hư không là vuông, là tròn, khi không chấp vào đồ vật nào nữa thì lại bảo hư không là một. Sự thật hư không là hư không, nó vốn không vuông, không tròn đã đành, cũng lại không cả là một nữa.

Trở lại sáu căn: Người biết rằng có mười hai tướng hữu vi, chia làm sáu cặp động - tĩnh, hợp - ly, có vị - không vị, thông - bịt, sáng - tối, sinh - diệt là những chất liệu nuôi sống sáu căn. Thí dụ rời sáng - tối thì không có nhìn thấy, cái nghe thấy không thể tồn tại tự thân độc lập với động - tĩnh, sinh - diệt làm nền móng cho cái thấy biết của ý căn.